

ĐÀO TẠO THEO NHU CẦU XÃ HỘI VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

Nguyễn Tiến Dũng¹

Tóm tắt: Việt Nam sau quá trình hội nhập và phát triển, đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận, vị thế của Việt Nam ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế và khu vực. Bên cạnh những kết quả đạt được, trước xu hướng hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, cũng đã tạo cho đất nước nhiều cơ hội và thách thức mới. Việc cạnh tranh giữa các quốc gia trong lĩnh vực kinh tế ngày càng quyết liệt và gay gắt hơn, mà lợi thế cạnh tranh thuộc về quốc gia nào có nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu xã hội và phù hợp với thị trường quốc tế. Hiện nay, Việt Nam có số lượng sinh viên sau khi tốt nghiệp không kiếm được việc làm phù hợp và thất nghiệp rất nhiều, trong khi đó nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp rất lớn. Nguyên nhân gì dẫn đến việc cung không gần được với cầu lao động? Qua nghiên cứu, người nghiên cứu đã dẫn chứng cụ thể về việc đào tạo nguồn nhân lực chưa đáp ứng được nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế như sau: Kinh phí đầu tư cho giáo dục và đào tạo thấp; thiếu hụt thông tin dự báo nhu cầu lao động, chưa xây dựng được cơ sở dữ liệu quốc gia về lao động; chất lượng giảng viên còn yếu, tỷ lệ tiến sĩ/giảng viên còn thấp (12,43%); chương trình đào tạo chưa đi sát với nhu cầu doanh nghiệp và xã hội; sự thiếu hụt giáo trình, tài liệu học tập và nghiên cứu; đặc biệt là khả năng sử dụng ngoại ngữ (Tiếng Anh) của sinh viên chưa tốt, là những rào cản cho sự hội nhập. Trên cơ sở đó, người nghiên cứu cũng đã đề xuất những giải pháp cụ thể: Phải có sự phối hợp của “ba nhà” (Nhà nước, Nhà trường và Nhà doanh nghiệp); đổi mới giáo dục và đào tạo từ trang bị kiến thức gắn với đào tạo kỹ năng nghề nghiệp theo hướng ứng dụng, thực hành; xây dựng danh mục nghề nghiệp, dự báo nguồn nhân lực; đẩy mạnh công tác kiểm định chất lượng giáo dục; đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp dạy học theo hướng hội nhập quốc tế; nâng cao trình độ tiếng Anh và kỹ năng sử dụng vi tính, công nghệ thông tin.

Từ khóa: nhân lực, lao động, hội nhập quốc tế, nhu cầu xã hội, giáo dục, đào tạo, doanh nghiệp, xã hội.

Summary: Vietnam has achieved remarkable development in the process of integration to the world market. The country position has been enhanced in the international and regional arena. In addition to the results achieved, as the international integration tendency becoming far more widespread than ever before, the country is increasingly face new opportunities and challenges. The national competition in the economic field is increasingly becoming more serious, but competitive advantage belongs to any country with high quality of human resources, meeting social needs and international market standards. Currently, in Vietnam there are a number of college graduates who are unemployed or cannot find suitable jobs, while the labor

¹ Tiến sĩ-Luật sư - Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Trường Đại học Nam Cần Thơ

demand of enterprises is very large. What causes that the supply is not linked to the demand for labor? According to the research, the researcher has shown in details that the training of human resources has not met the needs of society and international integration because investment budget for education and training is low, there is a lack of information on labor demand forecasts, the national database on labor. The quality of lecturers is low, the number of doctorate holders/lecturers is not sufficient (12.43%). Inadequate training programs with business and social needs; shortage of textbooks, learning materials and research; Especially, foreign language competence (English) of students is not good, so they are the barriers for integration. The researcher proposed some solutions based on the mentioned problems: There must be a combination of three parties (State, School and Entrepreneurs); They have to renovate education and training, equip knowledge with vocational training in the direction of application and practice, develop a list of occupations, forecasting human resources, intensify education quality inspection, renovate the contents, programs and teaching methods towards international integration, improve English skills and computer skills and information technology.

Key words: *human resources, labor, international integration, social needs, education, training, business and society.*

Việt Nam đang trên đường phát triển sau hơn 30 năm thực hiện đổi mới, quá trình toàn cầu hóa đã chứng kiến những chuyển biến cơ bản của các nước trên thế giới, đặc biệt là châu Á, trong đó có Việt Nam. Năm 2007, Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), điều này đã tạo cho đất nước nhiều cơ hội mới để phát triển kinh tế - xã hội đồng thời cũng đặt ra với chúng ta nhiều thách thức mới. Ngoài ra, việc được cộng đồng quốc tế tin nhiệm bầu làm Ủy viên Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc đã khẳng định vai trò cũng như uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Đặc biệt, Việt Nam đã tổ chức thành công APEC 2017 tại thành phố Đà Nẵng với sự tham dự của lãnh đạo các cường quốc thế giới, đã đánh giá được Việt Nam trên đà phát triển và hội nhập quốc tế. Song sự cạnh tranh giữa các quốc gia trong lĩnh vực kinh tế ngày càng quyết liệt và gay gắt hơn mà lợi thế cạnh tranh thuộc về quốc gia nào có nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu xã hội và nhân lực lao động phải phù hợp với thị trường quốc tế.

Bên cạnh đó sự bùng nổ của công nghệ thông tin đã giúp cho nhiều người dân kể cả vùng sâu vùng xa có cơ hội tiếp xúc cập nhật thông tin nhiều hơn về tình hình trong nước và thế giới. Chúng ta nhận thấy việc học tập đã dấy lên và trở thành kỹ năng cơ bản của con người. Khả năng học nhanh và thích nghi hiệu quả của con người đã trở thành phương tiện giúp mang lại những cơ hội việc làm tốt hơn và những tiến bộ trong cuộc sống. Nhu cầu rộng khắp trong xã hội đã xuất hiện, đặc biệt là nhu cầu xã hội về học tập phát triển cả chiều rộng và chiều sâu trên phạm vi kiến thức, kỹ năng, thái độ và hành vi trước những nhu cầu đó trong xã hội và tại nơi làm việc.

Sự xuất hiện của việc đổi mới kinh tế thế giới môi trường hội nhập đã dẫn tới việc mở rộng đầu tư phát triển các doanh nghiệp, các công ty vừa và nhỏ, các công ty tư nhân, các công ty liên doanh có vốn đầu tư nước ngoài,... Đối với những doanh nghiệp này họ cần có kiến thức và kỹ năng đa dạng trong việc kinh doanh như nghiên cứu thị trường, marketing, tài chính, quản lý,... Để có được những con người đủ năng lực kịp thời đáp ứng sự phát triển và hội nhập của nước ta, nhiệm vụ quan trọng thuộc về ngành giáo dục, hay nói đúng hơn là phải đào tạo ra được những con người đáp ứng được nhu cầu của xã hội. Vậy nhu cầu xã hội gồm những nhu cầu nào?

Theo báo cáo Hội thảo quốc gia “*đào tạo theo nhu cầu xã hội*” thì: Nhu cầu xã hội là một khái niệm rộng, bao gồm nhiều thành phần nhưng có thể khái quát thành ba nhóm nhu cầu cơ bản:

- Nhu cầu của Nhà nước là chiến lược có tầm nhìn xa đảm bảo cho sự phát triển lâu dài của đất nước. Nhu cầu đào tạo này thường chọn các mục tiêu đi trước, đón đầu về khoa học, công nghệ, vượt trước nhu cầu của doanh nghiệp cũng như nhu cầu của người học. Cụ thể là nhu cầu đào tạo nhân lực trong lĩnh vực điện hạt nhân, công nghệ sinh học, cơ điện tử, hàng không và một số ngành công nghệ trọng điểm khác.

- Nhu cầu của doanh nghiệp đào tạo phát triển nhân lực gồm đào tạo cán bộ quản lý và lao động chuyên môn trực tiếp, đòi hỏi người lao động sau khi tốt nghiệp có thể làm được ngay, phù hợp với yêu cầu cụ thể của doanh nghiệp. Nhu cầu này phù hợp với trình độ đại học theo hướng nghề nghiệp ứng dụng, kỹ thuật viên trình độ cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề.

- Nhu cầu của người học là nhu cầu của cá nhân học sinh, sinh viên. Đó là nhu cầu của bản thân người học để nâng cao trình độ, học để kiếm việc làm, có một nghề sống được. Bên cạnh đó là nhu cầu của gia đình và phụ huynh học sinh - sinh viên, hướng con em họ lựa chọn nghề theo truyền thống gia đình.

Tại hội thảo quốc gia “*đào tạo theo nhu cầu xã hội*” thì đại diện nhà đào tạo cũng băn khoăn thế nào là đào tạo đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp? PGS.TS. Thái Bá Cần, nguyên Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật TPHCM cho rằng: “*Đây là vấn đề chưa được thống nhất, bởi các doanh nghiệp có nhu cầu khác nhau, nếu đáp ứng từng doanh nghiệp thì không thể. Trường chỉ tạo ra sản phẩm đáp ứng một cách chung nhất: tri thức, kỹ năng, thái độ,...*”. Vậy hiện nay những nhu cầu này có được đáp ứng chưa hay vẫn còn tình trạng cung không đủ cầu mặc dù số lượng sinh viên tốt nghiệp hàng năm không ít, theo thống kê khoảng 200.000 người.

Một con số người lao động không nhỏ, nhưng tại sao lại có hiện tượng “*các công ty săn tìm những nhân viên có trình độ*”; Việc khan hiếm nguồn nhân lực có năng lực và trình độ chuyên môn đã dẫn đến việc các công ty trong nước tìm đến sự giúp đỡ của các cơ quan tuyển dụng chuyên nghiệp. Hoặc việc thiếu nhân lực, các nhà tuyển dụng phải tìm kiếm người nước ngoài:

Hàng năm Việt Nam có khoảng 200.000 học sinh - sinh viên tốt nghiệp từ các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp nhưng chỉ số ít đáp ứng được yêu cầu tuyển dụng của thị trường. Chương trình đào tạo của Việt Nam tập trung vào lý thuyết nhiều hơn thực hành, tạo ra một số lượng lớn học sinh - sinh viên tốt nghiệp có ít kỹ năng nghề nghiệp. Học sinh - sinh viên tốt nghiệp thường có ít kỹ năng sáng tạo, hiệu quả và kỹ năng làm việc nhóm.

Một thông tin khác từ người sử dụng lao động là các doanh nghiệp đóng tại Thành phố Hồ Chí Minh cho biết: *"Doanh nghiệp bỏ ra hàng tỷ đồng để đào tạo gần 2.000 lao động nhưng kết quả chỉ có 30% trong số ấy dùng được. Những năm gần đây Công ty có tuyển nhân sự tốt nghiệp đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp nhưng phải đào tạo lại khoảng 3 - 6 tháng mới dám giao những việc phụ! Học sinh - sinh viên tốt nghiệp tại các trường đại học chuyên ngành kinh tế, ngoại thương, marketing... khi ra làm việc vẫn không biết làm những việc chuyên môn mình đã học"*.

Thực trạng nhiều lao động sau khi đào tạo không đáp ứng được nhu cầu tuyển dụng đang là vấn đề nóng hiện nay, hầu hết các doanh nghiệp phải đào tạo lại sau khi tuyển dụng nhân sự vào, vô tình làm mất thời gian và chi phí đào tạo của doanh nghiệp. Tôi cũng là nhà tuyển dụng, cũng gặp không ít trường hợp học sinh - sinh viên sau khi ra trường không đủ kiến thức thực tế để bắt tay vào việc khi được giao mà phải qua thời gian học việc và thử việc. Cụ thể một sinh viên tốt nghiệp ngành Luật Hành chính của Trường Đại học tại thành phố Hồ Chí Minh nhưng không soạn thảo được văn bản hành chính, không thực hiện được công việc lưu trữ những văn bản hành chính của công ty chứ đừng nói chi đến những việc đòi hỏi chuyên môn cao như soạn thảo hợp đồng hoặc đưa ra quy chế hay nội quy làm việc của công ty.

Qua thực tế tìm hiểu từ bản thân các em này và phương pháp giảng dạy của nhà trường thì được biết là trong quá trình học các em chỉ được truyền đạt lý thuyết, chưa từng được trực tiếp nhìn qua cách lưu giữ hồ sơ của các công ty như thế nào. Bản thân các em khi được dạy tiếp thu rất nhanh chứ không phải chậm chạp nhưng do không được hướng dẫn thực hành trong lúc học nên giữa lý thuyết của nhà trường dạy và thực tế công việc mà công ty yêu cầu khi các em vào làm việc khác nhau nhiều quá. Tôi cũng từng là sinh viên nhưng thú thật kiến thức thực tế để đáp ứng được nhu cầu công việc có được từ nhà trường là rất ít, phần lớn tôi phải học hỏi từ khi ra trường đi làm từ bạn bè, đồng nghiệp và cấp trên của tôi. Những kiến thức nghiên về lý luận, tư tưởng hoặc chính trị thì tôi được học nhiều như triết học, lịch sử đảng, kinh tế chính trị, xã hội học,... đồng ý là chúng ta phải học để biết được sử ta, để biết được triết lý sống của các bậc vĩ nhân mà chúng ta noi theo nhưng nếu đưa số lượng đơn vị học trình quá nhiều vào những môn này thì phần học chuyên ngành lại ít đi. Một khó khăn khác mà không ít nhà tuyển dụng e ngại và cho rằng khó đào tạo là thái độ làm việc của người lao động, dù có đủ kiến thức - kỹ năng nhưng thiếu thái độ đúng đắn trong khi làm việc cũng là trở ngại khi doanh nghiệp xem xét để đưa họ vào danh sách nhân sự chủ yếu và lâu dài.

Những nguyên nhân dẫn đến đào tạo không đáp ứng nhu cầu xã hội

GS. Nguyễn Thiện Nhân - Nguyên Phó Thủ tướng Chính phủ, hiện nay là Bí thư Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh nhìn nhận thực trạng: *“Chúng ta đang rơi vào một vòng luẩn quẩn, đất nước nghèo, khả năng chi phí cho giáo dục và cho đào tạo thấp. Khi các chi phí này thấp thì chất lượng đào tạo không cao, không đáp ứng nhu cầu xã hội. Điều đó lại làm cho đất nước chậm phát triển, thiếu kinh phí đầu tư cho giáo dục, cho nghiên cứu khoa học,...”*

Sự thiếu hụt thông tin đầu vào, không có cơ quan dự báo nhu cầu xã hội khiến cho việc đào tạo và nhu cầu xã hội không được đáp ứng. Ngành giáo dục và doanh nghiệp giống như hai đường thẳng song song, một bên cứ đào tạo mà không cần biết khi ra trường họ có đáp ứng được nhu cầu của xã hội hay không?

Hiện tại việc chưa xây dựng được cơ sở dữ liệu cấp quốc gia về lao động, làm cho học sinh - sinh viên không có được tỉ lệ tìm được việc làm của các ngành nghề sau khi học, số lượng lớn học sinh xét tuyển vào các trường mà nhu cầu tuyển dụng của xã hội không có. Chẳng hạn trước đây khi thi vào ngành sư phạm thì rất khó xin việc, thậm chí người ta còn ví von: *“Chuồn chày cùng sào mới vào sư phạm”* làm cho lượng học sinh thi vào ngành này càng về sau càng ít đi, lâu dần quay trở lại thiếu giáo viên, vì thế học sinh lại ồ ạt thi vào ngành sư phạm rồi dẫn đến thừa, cứ thế sự việc thừa rồi lại thiếu vẫn tiếp tục diễn ra.

Đặc biệt các Trường trọng điểm, có một số Trường xét tuyển điểm đầu vào cao ngất ngưỡng, thế độc quyền này làm hạn chế khả năng nhận thức về đào tạo theo nhu cầu của xã hội, các trường chỉ đào tạo theo chương trình của mình không quan tâm đến nhu cầu của người sử dụng lao động, rõ ràng là bán cái mình có chứ không bán cái khách hàng cần.

Đội ngũ giảng viên cũng là vấn đề phải nhắc đến. Hiện nay, cả nước đã có khoảng 14 nghìn tiến sĩ và tiến sĩ khoa học, 1.432 giáo sư, 7.750 phó giáo sư. Về chất lượng, trình độ đội ngũ giảng viên có xu hướng nâng cao. Tuy nhiên, trước nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, còn nhiều vấn đề cần giải quyết. Trình độ, năng lực của đội ngũ giảng viên chưa theo kịp với sự vận động của đời sống kinh tế - xã hội. Nghị quyết Trung ương 8 (khóa XI) cũng đã chỉ rõ, một bộ phận chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới, thiếu tâm huyết, thậm chí vi phạm đạo đức nghề nghiệp.

Kết quả cho thấy, nhìn chung, chất lượng giảng viên trong trường đại học nước ta hiện nay còn yếu. Tỷ lệ tiến sĩ/giảng viên còn thấp (12,43%), ở các nước phương Tây tỷ lệ này là 70%. Mặt khác, hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên còn ít, số lượng bài báo công bố trên tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế chưa nhiều. Nghiên cứu khoa học là yếu tố nền tảng khoa học của kiến thức và trình độ của giảng viên, nhưng chưa trở thành nhu cầu thực sự của giảng viên. Đề tài và các nội dung nghiên cứu khoa học vẫn còn nặng về hình thức, chưa gắn với yêu cầu của thực tiễn.

Chỉ có gần 20% giảng viên của các trường đại học có trình độ tiến sĩ, và phần lớn công việc chính của họ là giảng dạy, thời gian dành cho nghiên cứu chưa tương xứng. Đó cũng là hệ quả của sự giảng dạy quá tải đối với giảng viên, do tỉ lệ chênh lệch quá lớn giữa sinh viên và giảng viên.

Hơn nữa, do nhu cầu đảm bảo đời sống gia đình và cá nhân một số giảng viên nhận thỉnh giảng ở các trường khác ngoài trường mình đang là biên chế cũng ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng đào tạo. Lịch giảng dày đặc như vậy thì sức khoẻ ở đâu mà dạy cho tốt, thời gian đâu mà nghiên cứu tài liệu và cập nhật thông tin để truyền đạt tốt cho các em được. Việc này là do thời buổi cơ chế thị trường tạo nên hay do công tác quản lý nhân sự của các trường đại học.

Và việc các trường đại học nhận các sinh viên đứng đầu về thành tích học tập của khoa ở lại trường để giảng dạy là phổ biến, những giảng viên thuộc dạng này không có kiến thức về sự phạm càng không có kinh nghiệm về thực tế mà đưa vào giảng dạy sau khi ra trường thì có hiệu quả không?

Chương trình đào tạo của các trường hiện nay chưa được quan tâm đúng mức, xây dựng chương trình chưa đi sát với nhu cầu của xã hội, nhiều trường mới thành lập lấy sẵn chương trình của các trường khác để giảng dạy càng làm cho việc giảng dạy và nhu cầu xã hội không đáp ứng được nhau. Những bất cập về cơ cấu hệ thống giáo dục về thời gian đào tạo giữa cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp, về khung chương trình giữa bậc cao đẳng và cao đẳng nghề, trung cấp chuyên nghiệp và trung cấp nghề,... tạo nên sự chòng chéo trong quản lý về giáo dục, trùng lặp trong đào tạo cũng là nguyên nhân dẫn đến đào tạo không đáp ứng nhu cầu xã hội.

Một vấn đề nữa mà thực tế hiện nay nhiều người sau khi ra trường đi xin việc gặp phải, kể cả những người đã đi làm lâu năm là khả năng sử dụng tiếng Anh không tốt. Ví dụ hiện nay các công ty luật nước ngoài tuyển nhân sự làm việc chỉ yêu cầu là cử nhân luật nhưng phải nói và viết anh ngữ thành thạo, chính điều kiện thứ hai đã làm cho nhiều người không đủ tự tin nộp hồ sơ dự tuyển mặc dù họ có rất nhiều kinh nghiệm về luật pháp của Việt Nam nhưng chỉ nói được ngôn ngữ Việt thôi.

Và việc thiếu giáo trình; tài liệu cho nghiên cứu trong quá trình học tập của học sinh - sinh viên cũng là thiếu sót lớn; và lại sách vở hiện nay khá đắt những học sinh - sinh viên có hoàn cảnh khó khăn chỉ việc lo học phí, ăn ở đã khó khăn rồi thì lấy tiền đâu để mua thêm sách vở. Hệ thống thư viện của nước ta chưa phát triển, số lượng đầu sách hạn chế càng gây khó khăn cho các em học tập.

Bên cạnh còn rất nhiều khó khăn mà trong phạm vi bài viết này tôi không thể liệt kê hết được. Biện pháp nào để giải quyết những khó khăn trên?

Tại hội thảo đào tạo nhân lực, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ theo nhu cầu của doanh nghiệp; GS.TSKH Bành Tiến Long - Nguyên thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo: *"Phải có sự phối hợp giữa "ba nhà" (Nhà nước, Nhà trường và Nhà doanh nghiệp). Về phía Nhà nước, Bộ sẽ xúc tiến xin cơ chế dành 3 - 5% thuế của doanh nghiệp hỗ trợ cho giáo dục và đào tạo. Đối với trường đại học cần củng cố chất lượng đào tạo, đội ngũ giảng viên, trường có chương trình đào tạo chất lượng cao đáp ứng theo nhu cầu của doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp cần có thông tin về nhu cầu nhân lực của mình, hỗ trợ tài chính và tham gia vào quá trình đào tạo, xây dựng chương trình, cho học sinh - sinh viên thực tập".*

GS. Nguyễn Thiện Nhân - Nguyên phó Thủ tướng Chính phủ, Bí thư Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh thì: "Các trường phải có bộ phận quan hệ doanh nghiệp trực thuộc phòng đào tạo để lắng nghe những phản hồi về sản phẩm mình đào tạo ra cũng như những yêu cầu mới từ các doanh nghiệp".

Nghị quyết số 29/NQ-TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới cơ bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, có những định hướng và mục tiêu như sau:

- Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học. Học đi đôi với hành; lý luận gắn với thực tiễn; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội.

- Phát triển giáo dục và đào tạo phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc; với tiến bộ khoa học và công nghệ; phù hợp quy luật khách quan. Chuyển phát triển giáo dục và đào tạo từ chủ yếu theo số lượng sang chú trọng chất lượng và hiệu quả, đồng thời đáp ứng yêu cầu số lượng.

- Hình thành hệ thống giáo dục nghề nghiệp với nhiều phương thức và trình độ đào tạo kỹ năng nghề nghiệp theo hướng ứng dụng, thực hành, bảo đảm đáp ứng nhu cầu nhân lực kỹ thuật công nghệ của thị trường lao động trong nước và quốc tế.

Để thực hiện được việc đào tạo theo nhu cầu xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định phải xây dựng danh mục nghề nghiệp để đảm bảo công tác thống kê, dự báo nhu cầu nhân lực theo một chuẩn mực chung tránh việc hai ngành nghề giống nhau nhưng có tên gọi khác nhau. Bên cạnh đó việc xây dựng tiêu chuẩn nghề nghiệp cũng không kém phần quan trọng nhằm gắn đào tạo theo nhu cầu xã hội, tiêu chuẩn đào tạo phải bám sát tiêu chuẩn nghề.

Kiểm định và đánh giá nghề nghiệp là một trong những công cụ làm cho đào tạo có trách nhiệm hơn với nhu cầu xã hội từ việc cung cấp các dịch vụ đào tạo có chất lượng. Việc đánh giá các thông số ở đầu ra của quá trình đào tạo giúp cho các cơ quan quản lý biết được mức độ đáp ứng nhu cầu xã hội của cơ sở đào tạo về số lượng và chất lượng

Thực hiện việc đẩy mạnh công tác kiểm định chất lượng giáo dục theo hướng tiếp cận với khu vực và quốc tế, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đại học trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Đào tạo nhân lực theo hướng hội nhập quốc tế: Đổi mới mạnh mẽ nội dung chương trình và phương pháp dạy học theo hướng hội nhập quốc tế. Nội dung chương trình và giáo trình cần được tổ chức xây dựng và triển khai theo hướng mở, cho phép cập nhật thường xuyên về kiến thức trong và nước ngoài, nhập khẩu chương trình đào tạo; sử dụng giáo trình, học liệu trong nước hoặc ngoài nước một cách linh hoạt để giảng dạy cho người học và trao đổi giảng viên, sinh viên; nội dung giảng dạy phải gắn chặt và phù hợp với yêu cầu thực tiễn của ngành nghề mà người học đang theo đuổi; chương trình đào tạo thẩm định theo chuẩn quốc tế. Về phương pháp,

cho phép sử dụng đa dạng các phương pháp dạy học theo nguyên tắc “lấy người học là trung tâm”, giảm tải tối đa giờ giảng trên lớp để người học có thời gian tự học và tự nghiên cứu. Tất nhiên, các cơ sở đào tạo cần thường xuyên thực hiện việc kiểm tra, đánh giá khách quan, chặt chẽ để bảo đảm tính hiệu quả của việc dạy và học. Bên cạnh việc giảng dạy lí thuyết kết hợp thực hành, cần chú trọng nội dung đào tạo về kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp,... cho sinh viên cọ xát thực tế để các em được lĩnh hội một cách toàn diện nhất.

Trong xu thế hội nhập hiện nay, sinh viên cần nâng cao trình độ tiếng Anh theo chuẩn quốc tế, cần được thực tập giao tiếp bằng tiếng Anh nhiều hơn, thực hành nhiều chủ đề thực tế bằng ngoại ngữ, để các em có được phản xạ nhanh hơn và tự tin hơn khi giao tiếp với người nước ngoài, hoặc có thể tham dự tuyển dụng lao động ở các nước trong khu vực. Kỹ năng sử dụng vi tính cũng là một đòi hỏi quan trọng, vì hầu hết các doanh nghiệp hiện nay đều sử dụng công nghệ tiên tiến, các phần mềm vi tính để hỗ trợ quản lý kinh doanh, quản lý dữ liệu chăm sóc khách hàng...

Tóm lại, đào tạo theo nhu cầu xã hội là công việc của cả cộng đồng và toàn xã hội, trong đó ngành giáo dục giữ vai trò chủ đạo. Để đào tạo đáp ứng theo nhu cầu xã hội, nhà trường rất cần sự hỗ trợ đặc lực của nhà doanh nghiệp cũng như cơ chế chính sách của Nhà nước ban hành đáp ứng kịp thời với các xu thế phát triển xã hội trong quá trình hội nhập.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Đắc Hưng. *Thực trạng và một số giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực hiện nay*. Chuyên mục Giáo dục. Ban Tuyên giáo Trung ương. Ngày 20 tháng 6 năm 2016.
- [2] Nguyễn Đình Luận. *Sự gắn kết giữa nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam: Thực trạng và khuyến nghị*. Tạp chí Phát triển & hội nhập Số 22. Tháng 05-06 năm 2015 trang 84, 85.
- [3] Phùng Xuân Nhạ, Phạm Thùy Linh. *Những giải pháp phát triển nguồn nhân lực sau thời kỳ khủng hoảng*. Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Kinh tế và Kinh doanh 26 (2010) 1-8.
- [4] Dương Thị Xuân Thanh. *Nâng cao năng lực của đội ngũ giảng viên đại học đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao*. Tạp chí Lí luận chính trị-Cơ quan nghiên cứu và ngôn luận khoa học của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Tháng 6 năm 2016.
- [5] Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế “Đã được Hội nghị Trung ương 8 (Khóa XI thông qua). Tạp chí xây dựng Đảng giới thiệu toàn văn Nghị quyết.